TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **92**/2021/QĐST-HNGĐ	*Hải Châu, ngày 03 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Đặng Nguyên V, sinh năm 1981 và bà Phạm Thị Như N, sinh năm 1988. Nơi ĐKHKTT: K30.H18/10 đường T, phường H, quận H, TP Đà Nẵng. Cùng địa chỉ: Số 12 B3, phường B, quận H, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Nguyên V và bà Phạm Thị Như N tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Do vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Các bên thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Đặng Nguyên V và bà Phạm Thị Như N xác định có 02 con chung tên Đặng Nguyên T, sinh ngày 05/10/2009 và Đặng Nguyên N, sinh ngày 16/11/2014. Ông V, bà N thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như trên của ông V và bà N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Đặng Nguyên V và bà Phạm Thị Như N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về nợ chung: Ông Đặng Nguyên V và bà Phạm Thị Như N xác định không có nên không đề cập giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Đặng Nguyên V và bà Phạm Thị Như N phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận ông Đặng Nguyên V và bà Phạm Thị Như N thuận tình ly hôn. *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông V, bà N nên Giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyển số 1 do Ủy ban nhân dân phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/9/2009 không còn giá trị pháp lý).*

- *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Đặng Nguyên V và bà Phạm Thị Như N về việc nuôi con chung như sau: Giao 02 con chung là Đặng Nguyên T, sinh ngày 05/10/2009 và Đặng Nguyên N, sinh ngày 16/11/2014 cho bà Phạm Thị Như N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Đặng Nguyên V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Ông Đặng Nguyên V và bà Phạm Thị Như N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

- *Về nợ chung:* Ông Đặng Nguyên V và bà Phạm Thị Như N xác định không có nên không đề cập giải quyết.

2. Về lệ phí tòa án: Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Ông Đặng Nguyên V và bà Phạm Thị Như N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005476 ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông V và bà N đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- UBND phường Hòa Xuân;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hồ Thị Mỹ Dung